CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Đông Hải Bến Tre

Ngày 30/09/2024	37,150 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.4%	**-7.6%**	**-**

DT thuần
Q3/24
896
tỷ VNĐ
QoQ: ▼120| -11.8%
YoY: ▲ 102| 12.9%

LN thuần
Q3/24
85.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.6| 27.7%
YoY: ▲ 23.5| 37.7%

LN sau thuế
Q3/24
77.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.5| 27.3%
YoY: ▲ 21.1| 37.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
10.7%
YoY: +/-▲ 3.3%

ROE (TTM)
Q3/24
14.0%
YoY: +/-▲ 0.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	35,180 - 45,087
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,990
Số lượng CPLH (CP)	80,493,048
KLGD BQ 20 phiên (CP)	127,880
Sở hữu nước ngoài	39.3%
Beta	0.79
EPS	3,330
P/E	11.2

DT thuần
9T 2024
2,723
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 280| 11.5%

LN thuần
9T 2024
216
tỷ VNĐ
YoY: ▼48.0| -18.2%

LN sau thuế
9T 2024
193
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.0| -17.5%

Cơ cấu sở hữu

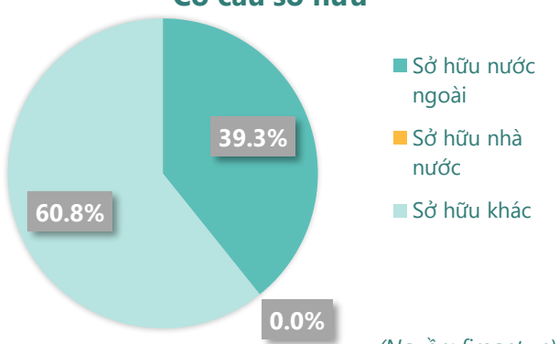

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

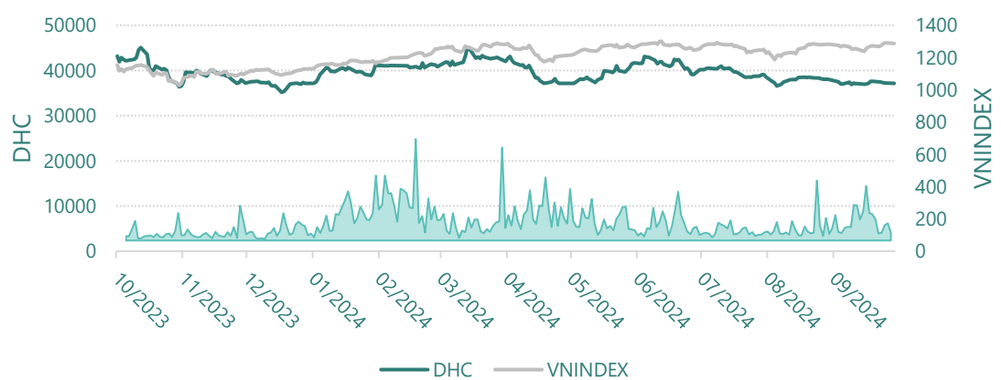

Cơ cấu cổ đông

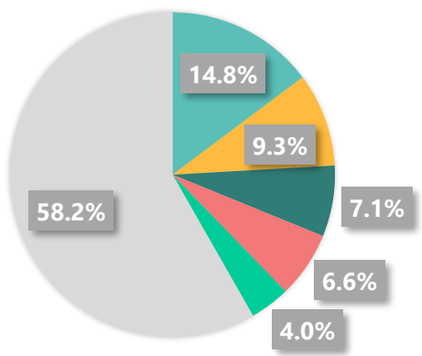

- KWE Beteiligungen AG
- Lê Bá Phương (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Thị Thủy
- Nguyễn Thanh Nghĩa (Thành viên HĐQT)
- Lê Quang Hiệp
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

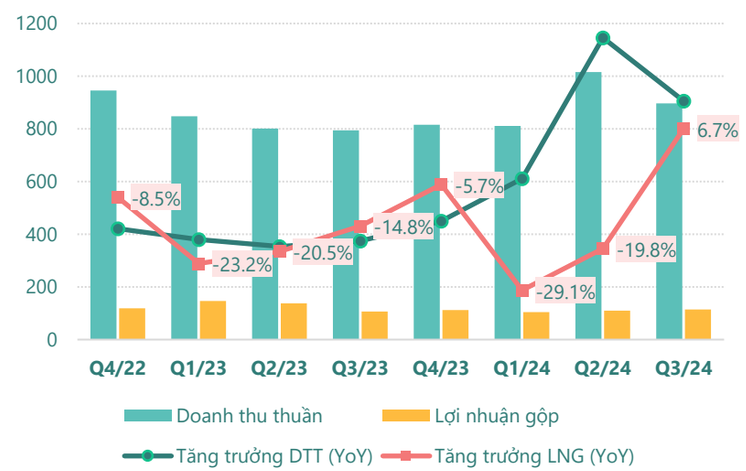

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

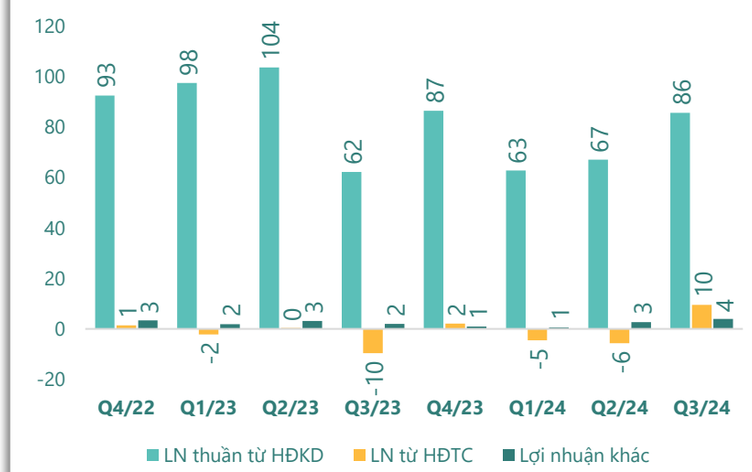

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

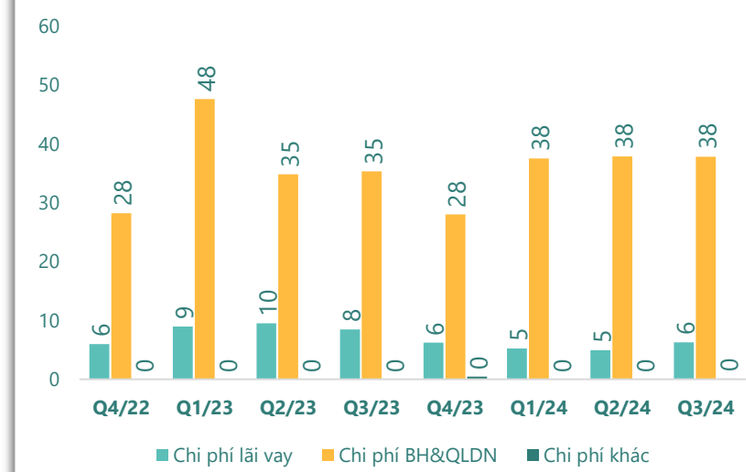

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

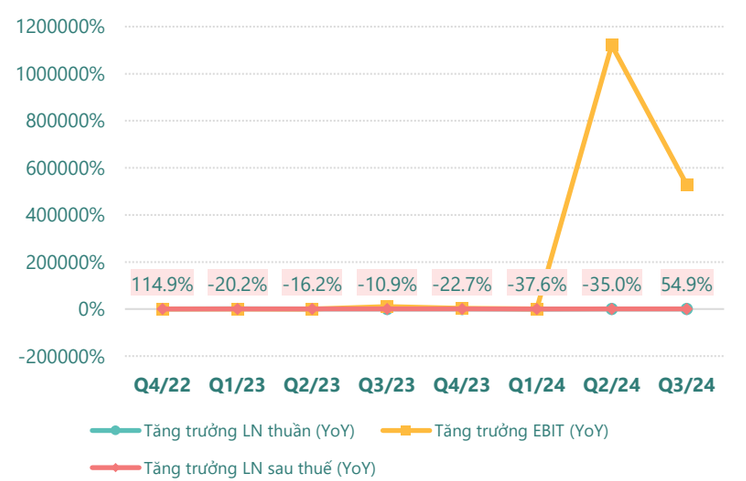

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

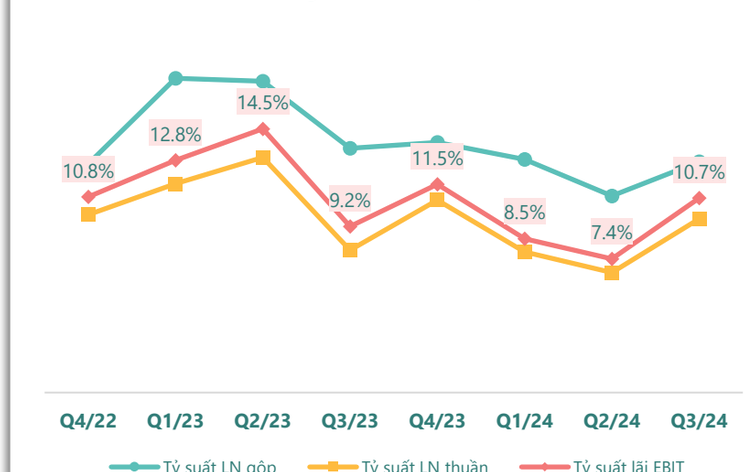

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

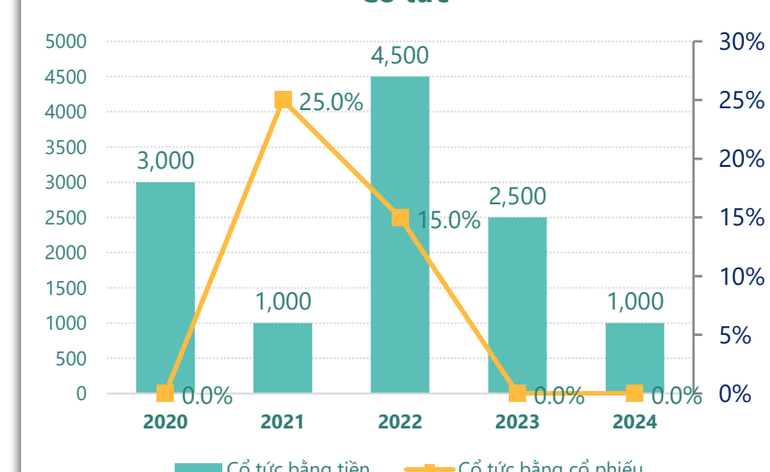

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

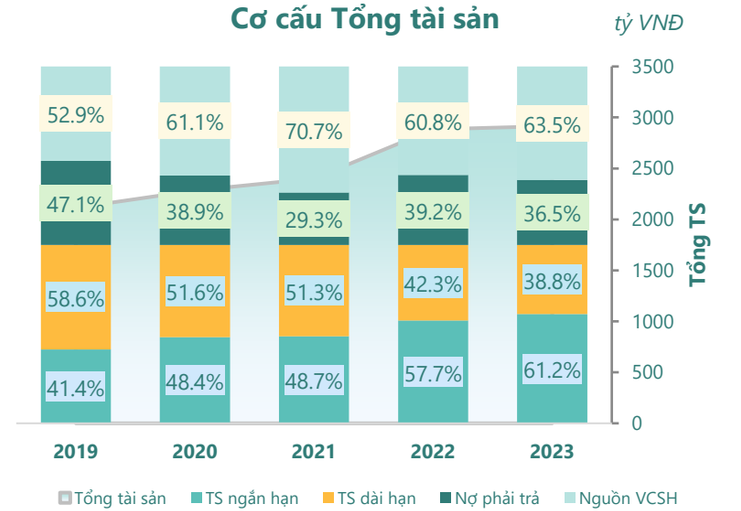

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

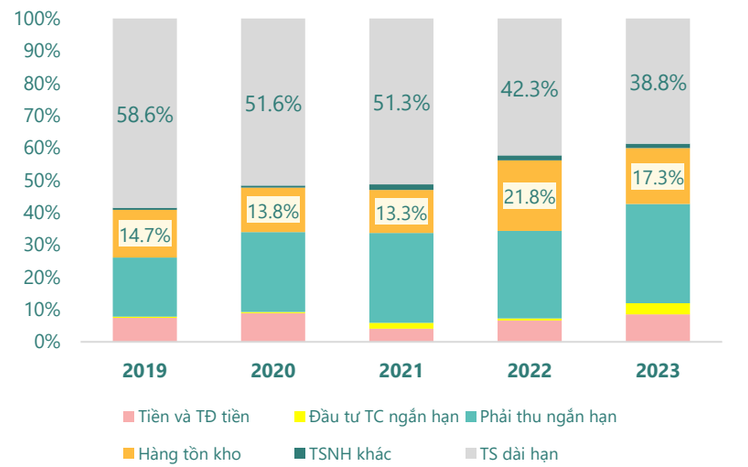

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

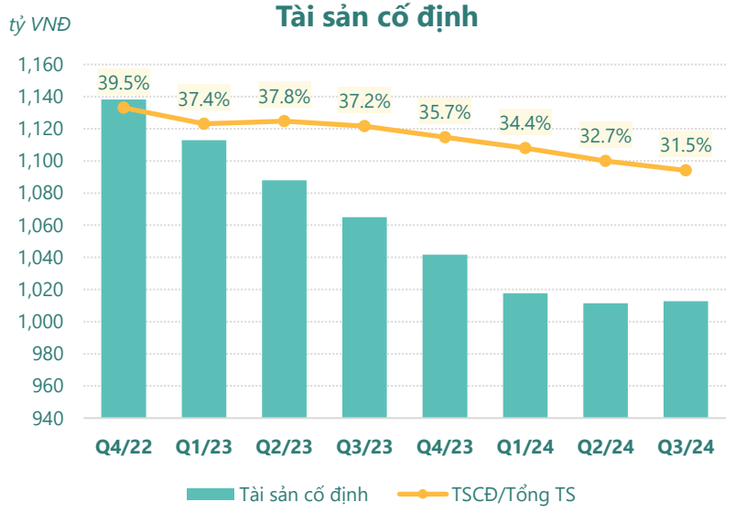

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

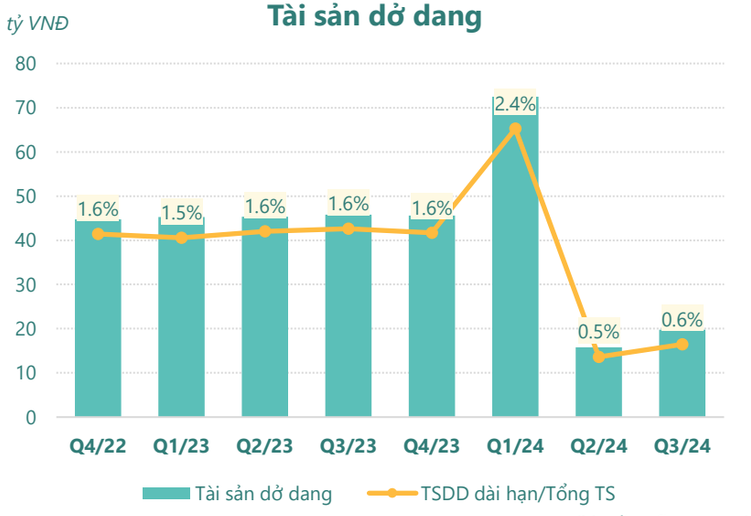

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

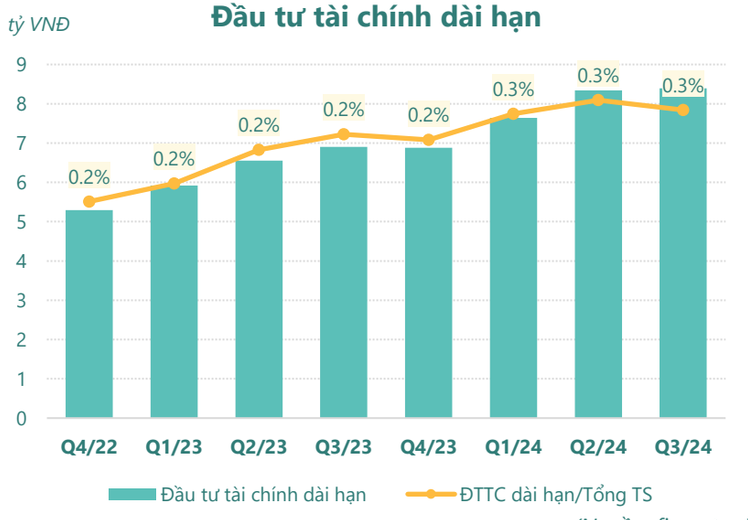

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

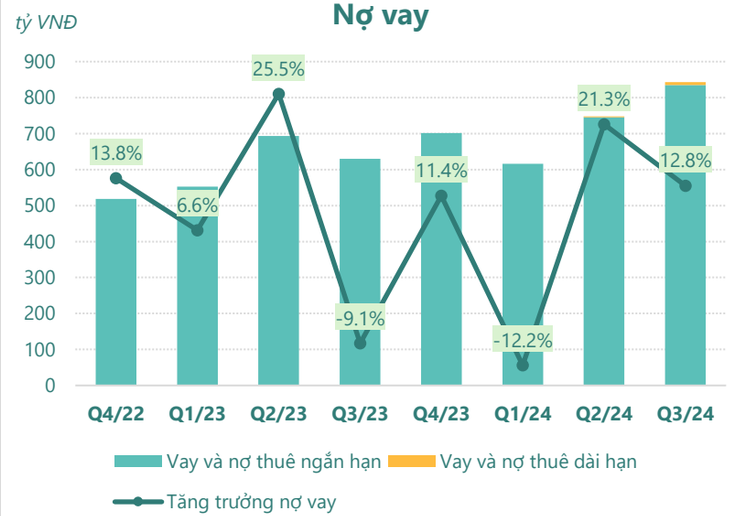

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

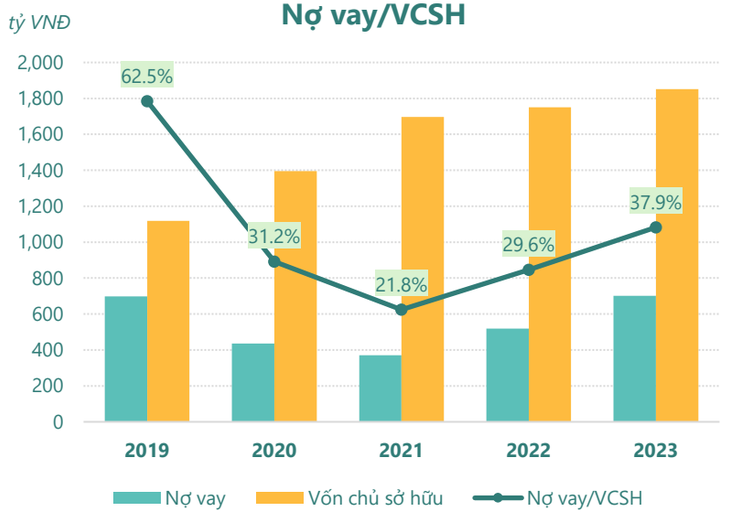

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

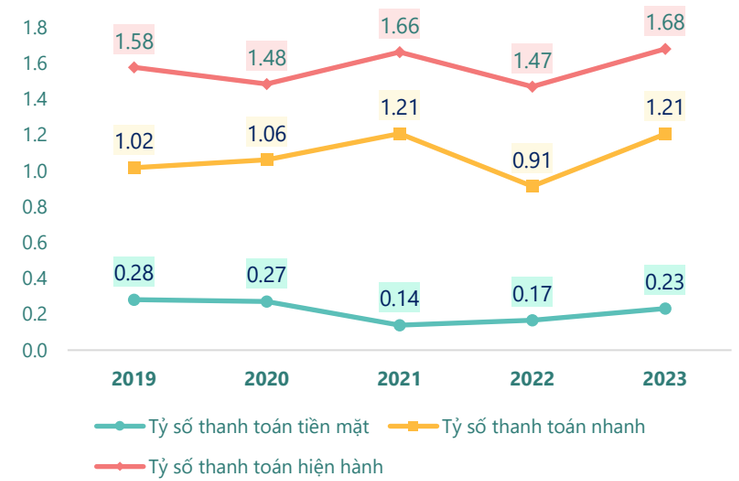

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

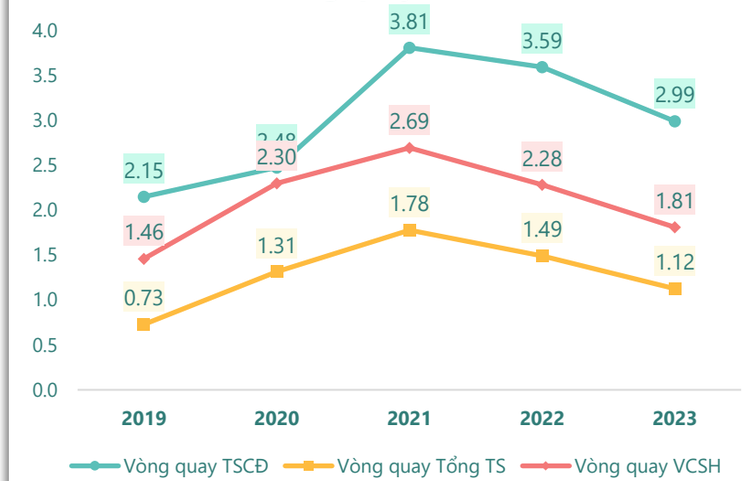

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

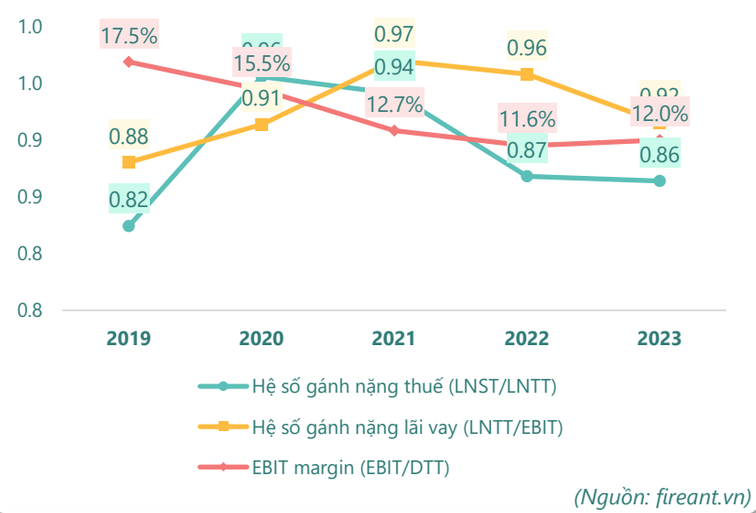

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

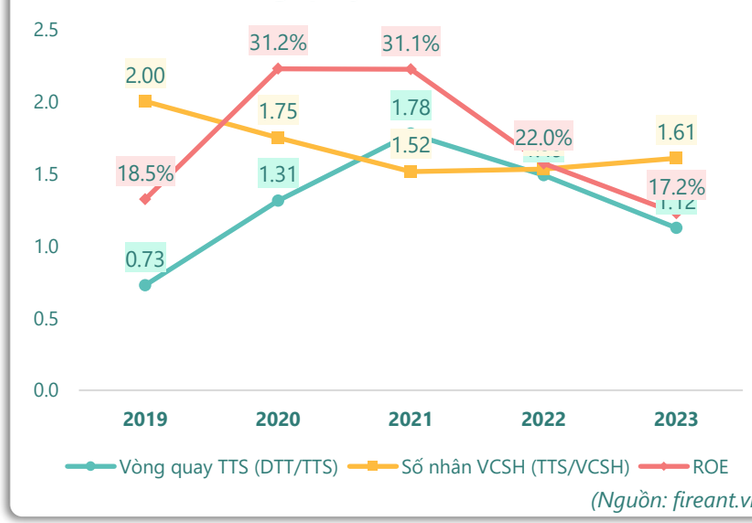

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

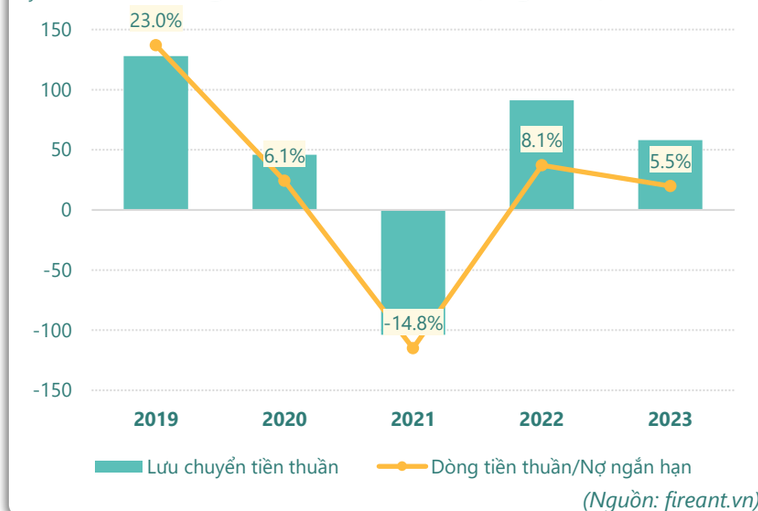

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**896**	**794**	**12.9%**	**2,723**	**2,443**	**11.5%**
Giá vốn hàng bán	782	688	13.7%	2,395	2,052	16.7%
Lợi nhuận gộp	114	107	6.6%	328	391	-16.0%
Doanh thu HĐTC	15.8	2.62	505%	24.8	20.3	22.0%
Chi phí TC	6.33	12.2	-48.1%	25.5	31.7	-19.6%
Chi phí lãi vay	6.27	8.50	-26.3%	16.5	27.0	-38.9%
LN trong công ty LKLD	**0.06**	**0.35**	**-83.6%**	**1.52**	**1.92**	**-21.0%**
Chi phí bán hàng	28.4	25.9	9.7%	84.7	79.7	6.2%
Chi phí QLDN	**9.44**	**9.43**	**0.1%**	**28.6**	**38.1**	**-24.9%**
LN thuần từ HĐKD	85.8	62.3	37.7%	216	264	-18.2%
Lợi nhuận khác	**3.96**	**1.97**	**101%**	**7.30**	**6.95**	**5.0%**
LN trước thuế	89.8	64.2	39.8%	223	271	-17.6%
Lợi nhuận sau thuế	**77.0**	**55.9**	**37.8%**	**193**	**234**	**-17.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**77.0**	**55.9**	**37.8%**	**193**	**234**	**-17.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.4	189	66.9	122	68.4	189
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-82.3	-37.0	-25.0	-28.9	-22.5	-159
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	63.1	-106	-6.44	-85.7	56.2	90.7
Tiền đầu kỳ	174	166	212	247	255	357
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.73**	**46.0**	**35.5**	**7.67**	**102**	**121**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	-0.01	0.01	0.01	-0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	166	212	247	255	357	478

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,213**	**2,915**	**10.2%**
Tài sản ngắn hạn	2,132	1,785	19.4%
Tiền và tương đương tiền	478	247	93.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	259	101	156%
Phải thu ngắn hạn	846	894	-5.3%
Hàng tồn kho	537	504	6.5%
Tài sản ngắn hạn khác	11.6	38.7	-70.1%
Tài sản dài hạn	**1,081**	**1,130**	**-4.4%**
Phải thu dài hạn	3.10	4.74	-34.4%
Tài sản cố định	1,013	1,042	-2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.8	45.6	-56.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	8.40	6.88	22.0%
Tài sản dài hạn khác	**36.6**	**30.9**	**18.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,255	1,063	18.0%
Nợ ngắn hạn	**1,247**	**1,062**	**17.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	835	702	19.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	348	303	14.8%
Nợ dài hạn	7.60	0.70	991%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.60	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,958**	**1,852**	**5.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,958**	**1,852**	**5.8%**
Vốn điều lệ	805	805	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)